

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 16/2021/HN-ST

Ngày: 15/3/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hữu Sáng

- Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hoài Tâm

2/ Bà Huỳnh Thị Lài

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Trung Hậu – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 15/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 377/TLST - HN ngày 26/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐST – HNGĐ ngày 22/02/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1970

Hộ khẩu thường trú: 18/18/1, khu vực 3, đường Hồ Trung Thành, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Địa chỉ hiện nay: Trung đoàn vận tải 659 Cục Hậu cần Quận khu 9, đường Hồ Trung Thành, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Hộ khẩu thường trú: 18/18/1, khu vực 3, đường Hồ Trung Thành, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NHẬN THẤY

Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Trương Văn Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ ngày 08/9/1995. Sau khi cưới, thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau về lối sống, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn lại T cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy T cảm vợ chồng

không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Trương Anh Đ (Nữ), sinh ngày 13/5/1997 (đã trưởng thành) và cháu Trương Thành L (Nam), sinh ngày 04/02/2006. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu L cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng.

Về nợ chung, tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn là bà Nguyễn Thị T:

Bà không đồng ý với ý kiến của ông Trương Văn Đ về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân và việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Bà cho rằng, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Bà luôn tạo điều kiện và mong muốn ông Đ sửa chữa sai lầm để tạo lập hạnh phúc gia đình. Bà nghi ngờ ông Đ có người phụ nữ bên ngoài nhưng chưa có bằng chứng. Việc ông Đ cho rằng vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 là không đúng. Vì ông Đ là quân nhân nên việc vắng nhà là do nhiệm vụ công tác, chỉ có lần ông xin nghỉ phép mà không về nhà là 04 ngày nhưng diễn ra đã lâu. Nay xét thấy T cảm vợ chồng vẫn còn, vì sự phát triển của con cái và gia đình. Bà không đồng ý ly hôn với ông Trương Văn Đ.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Trương Anh Đ (Nữ), sinh ngày 13/5/1997 đã trưởng thành và cháu Trương Thành L (Nam), sinh ngày 04/02/2006. Sau khi ly hôn, bà trực tiếp nuôi dưỡng Trương Thành L, việc cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng, bà không đồng ý ly hôn nên bà không có ý kiến.

Về nợ chung, tài sản chung: Bà yêu cầu Tòa án chưa giải quyết.

Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn Đ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Trương Văn Đ vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T,

Về con chung: Có hai con chung là cháu Trương Anh Đ (Nữ), sinh ngày 13/5/1997 đã trưởng thành và cháu Trương Thành L (Nam), sinh ngày 04/02/2006. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu L cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng.

Về nợ chung, tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị T giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với ông Trương Văn Đ, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ. Bà cho rằng hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2019 đến nay, mặc dù không còn chung sống như vợ chồng nhưng ông Đ vẫn quan tâm chăm sóc, đưa đón bà đi làm. Thời gian từ tháng 02 năm 2020 đến nay, xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, ông Đ không còn đưa thẻ lương cho bà giữ, dẫn đến hai vợ chồng cự cãi, ông Đ đã đến hăm dọa vợ ở. Bà xác định ông Đ còn yêu thương bà, ông Đ yêu cầu ly hôn và vì bị áp lực từ bên ngoài.

Nếu như ông Đ nhất quyết ly hôn, bà đồng ý trực tiếp nuôi cháu Trương Thành L và ông Đ cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng.

Về nợ chung, tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp thuộc ngành luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Trương Văn Đ khởi kiện ly hôn bà Nguyễn Thị T nên đây là tranh chấp về việc ly hôn. Hiện bị đơn đang cư trú tại địa chỉ: 18/18/1, khu vực 3, đường Hồ Trung Thành, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy thành phố Cần Thơ.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T có phát sinh mâu thuẫn, ông bà có tìm nhiều biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không giải tỏa mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình được. Ông Đ và bà T ly thân đã lâu, hiện nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không quan hệ T cảm, cả hai đã không còn thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa. Tại phiên tòa, bà T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng qua lời trình bày của các bên tại phiên tòa cũng như quá trình giải quyết thể hiện ông bà mâu thuẫn về tiền bạc, về quan hệ với gia đình nhà chồng đã kéo dài. Hai vợ chồng sống ly thân đã lâu và không còn quan hệ T cảm, ông Đ ở lại đơn vị và chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn, Tòa án nhận thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó thiết nghĩ nên chấp thuận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T là phù hợp.

[4] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trương Anh Đ (Nữ), sinh ngày 13/5/1997 đã trưởng thành và cháu Trương Thành L (Nam), sinh ngày 04/02/2006 hiện nay đang chung sống cùng bà Nguyễn Thị T. Tại phiên tòa, bà T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về chia tài sản: Ông bà không yêu cầu. Do đó tách phần tài sản chung và nợ chung ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 262, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trương Văn Đ với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trương Anh Đ (Nữ), sinh ngày 13/5/1997 (đã trưởng thành) và cháu Trương Thành L (Nam), sinh ngày 04/02/2006. Giao cháu Trương Thành L cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng ông Trương Văn Đ cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trương Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 004777 ngày 15/10/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông Đ đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cao Hữu Sáng

<p><u>Nơi nhận:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - TAND Tp Cần Thơ; - VKS quận Bình Thủy; - Chi THA dân sự quận Bình Thủy; - UBND nơi đăng ký kết hôn; - Các đương sự; - Lưu hồ sơ 	<p>TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa</p> <p>Cao Hữu Sáng</p>
---	--